

IV. KẾT LUẬN

1. Hai loài nấm *P. palmivora* và *P. colocasiae* được phân lập từ các mẫu bệnh loét sọc mặt cao cao su tại các vùng trồng cao su thuộc tỉnh Phú Thọ, Thanh Hóa và Nghệ An. *P. palmivora* chiếm phần lớn (83%) có mặt tại tất cả các vùng trồng cao su tại miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. *P. colocasiae* chỉ xuất hiện ở vùng Tây Bắc với tỷ lệ thấp 17%.

2. Vùng nhiệt độ cho nấm *P. palmivora* và *P. colocasiae* phát triển là 15⁰C, 30⁰C và 35⁰C.

3. Trên môi trường CMA nấm có tốc độ phát triển nhanh nhất. Môi trường PCA tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nấm sản sinh bào tử bọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jason H. B., Glenn H. B. (2002). *A simplified technique for recovering Pythium and Phytophthora from infected plant tissue*. Miscellaneous Publication 104.

2. Liyanage S. I. N., Wheeler J. E. B. (1989). *Comparative morphology of Phytophthora species on rubber*. Plant Pathology 38. pp. 592-597.
3. Ratana S. *Phytophthora of rubber*. (2004). Diversity and management of *Phytophthora* in Southeast Asia. pp. 136-142.
4. Thanh D. V. T., Vien V. N., Drench A. 2004. *Phytophthora disease in Viet Nam*. Diversity and management of *Phytophthora* in Southeast Asia. pp. 83-89.
5. Zheng F. C and Ward E. (1998). *Variation within and between Phytophthora species from rubber and citrus trees in China, determined by Polymerase Chain Reaction Using RAPDs*. J. Phytopathology 146, pp. 103-109.

Ngày nhận bài: 7/2/2012

Người phân biên: PGS. TS. Nguyễn Văn Việt,
ngày 9/2/2012

Ngày duyệt đăng: 20/3/2012

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TẬP ĐOÀN PHỤC VỤ CHỌN GIỐNG MÍA CÓ NĂNG SUẤT, HÀM LƯỢNG ĐƯỜNG CAO VÀ KHÁNG BỆNH Ở BẮC TRUNG BỘ

Hồ Hữu Nghị, Trần Doãn Lê

SUMMARY

Result of evaluating the sugarcane collection for selection of high performance and diseases resistant varieties adapted to northcentral area

Sugarcane is one of important industrial crop for northcenter of country. Nevertheless there are some difficulties in sugarcane production like as: Set of variety is quickly degenerated, almost these varieties are infected by pest and diseases, with low performance (55-57 tons/ha). So several researches for sugarcane varietal improvement had been carried and obtained following results.

In the observation experiment of sugarcane collection with 58 assessments had been identified about 20 elite varieties (K95-84, Suphanburi7, K95-156, K90-77, K88-92, K88-65, K88-200, VD93-159; Rb72-454, VD00236; ROC10; ROC28; Philippin 85-86; Philippin 88-83; Phuc nong; ROC16.ROC22..).

These varieties were took part in a varietal comparison trial and selected 5 promising varieties (Suphanburi7, ROC28; ROC26; Philippin 88-.ROC22) with high yielding and sugar content, are adapted to ecological condition of northcentral area.

Among of these promising varieties ROC28 and Philipin88-83 having yield of.90 tons per ha, high sugar content(11CCS) and resistant to pest and diseases. They are propagating for carrying out test experiment in big scale.

Keywords: Sugarcane collection, evaluation, varietal selection, high yielding.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mía là cây công nghiệp quan trọng, cung cấp nhiên liệu cho nhiều ngành chế biến như: Đường, bánh kẹo, cồn giấy, ván ép nhân tạo, ethanol nhiên liệu sinh học, năng lượng điện và phân bón vi sinh vật...

Theo định hướng quy hoạch phát triển cây công nghiệp thì Bắc Trung Bộ được coi là một trong bốn vùng sản xuất mía trọng điểm trong cả nước (Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg). Nghệ An, Thanh Hóa là hai tỉnh có diện tích trồng mía lớn nhất vùng. Tính đến năm 2010 diện tích này lên tới gần 40.000 ha và năng suất bình quân đạt 55,2 tấn/ha. Tuy đã cao so với năng suất chung trong cả nước nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, điều kiện khí hậu đất đai của vùng. Nguyên nhân dẫn đến năng suất mía thấp ở khu vực Bắc Trung Bộ là do điều kiện địa hình, trên 70% diện tích trồng mía nằm ở đất đồi gò, có độ dốc 10-20⁰, đất bị rửa trôi và không đủ nước tưới sử dụng nước trời là chính. Tỷ lệ diện tích trồng mía sử dụng giống cũ còn cao, các giống như: My55-14, F156, F134 chiếm 75% diện tích, còn lại giống mới: ROC10, ROC16, ROC21, QD15, QD11, R570, VD86-368, VN84-1437, VD93-159... chiếm 25% (Phạm Văn Bảy, Báo cáo nghiên cứu đề tài 2010 tỉnh Thanh Hóa).

Tuy nhiên, các giống mía mới trên bắt đầu bị thoái hóa, khả năng chống chịu sâu bệnh kém, nhiễm bệnh than, sâu đục thân nặng và năng suất giảm (ROC16, VD86-368, QD11, QD15). Do vậy, việc nghiên cứu, tuyển chọn giống mới bổ sung cho cơ cấu giống mía ở vùng Bắc Trung Bộ là công việc thường xuyên và cần thiết.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

Bao gồm các giống nhập nội và lai tạo trong nước, cụ thể từ Trung Quốc (Phúc nông, Ty 70-17, QĐ21, Viên lâm 4, Viên lâm 6, QĐ94-116, QĐ17, VĐ93-158, TĐĐ22, QĐ15, VĐ00-236 và Q.Đông 83-368). Từ Thái Lan (K95-84, KK2, Uthong 2, 3, 6, K93-207, K88-92, Ku60-1, Ku60-158, K88-200, K84-200, K90-54, Suphaburi7, Kuoo-192, K90-77, K88-65 và Ku60-1). Từ Đài Loan (F134, ROC10, ROC16, ROC21, ROC24, ROC22, ROC26, ROC27, ROC28). Từ Cu Ba (C819-67, C1327-74, C90-101; từ Mỹ 55-14; từ Philippines (Phil88-83 và Phil85-86); từ Ấn Độ (Co-414); từ Pháp (R570); từ Brazil (Rb72-45); từ Úc (DT15) và Việt nam (VN84-1437, VN84-65).

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thí nghiệm khảo sát tập đoàn mỗi giống trồng một ô với diện tích 30 m² không nhắc lại (mỗi ô trồng 4 hàng, mỗi hàng dài 6m, khoảng cách hàng cách hàng 1,2 m).

- Mật độ trồng 4 hom/1m dài.

- Chế độ phân bón: Vôi bột 1tấn/ha, phân hữu cơ 15 tấn/ha, phân Hudavil 4-4-4: 20 tấn/ha và phân NPH 8-2-8: 1 tấn/ha.

2.2. Thí nghiệm so sánh giống được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh, mỗi giống một ô, 3 lần nhắc lại và diện tích mỗi ô thí nghiệm là 30m². Mật độ trồng 4 hom/1m

2.3. Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm: Tỷ lệ mọc mầm và đẻ nhánh, mật độ cây qua các thời kỳ sinh trưởng, chiều cao cây và tốc độ

vươn cao hàng tháng, khả năng chống chịu với sâu, bệnh hại, các yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng và năng suất mía.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả khảo sát, đánh giá tập đoàn mía

1.1. Đặc tính sinh trưởng của các giống mía

- Tình hình nảy mầm của các giống mía trong tập đoàn.

Thời gian từ trồng đến lúc nảy mầm của các dòng giống mía dao động từ 15-25 ngày trong đó giống ROC16, ROC26, ROC28, Philipin85-86 nảy mầm sớm (15 ngày). Thời gian nảy mầm kéo dài trong khoảng 30-50 ngày. Các giống mía TĐĐ22, DT15, ROC26, ROC24, ROC28, Philipin 85-86, VN84-1437 và ROC21 nảy mầm sớm, tập trung và kết thúc trong vòng 15 ngày.

- Tỷ lệ nảy mầm của các giống mía đạt từ 34,7 - 64,95%. Trong đó giống mía có tỷ lệ nảy mầm cao: ĐT15 (64,95%), VN84-4137 (64,83%), TĐĐ22 (61,71%), Philipin 85-86 (60,25%). Các giống mía có tỷ lệ nảy mầm thấp: K88-92(34,7%), K88-65 (36,4%)

- Mật độ cây của các giống mía khi kết thúc nảy mầm dao động từ 4,63-7,79 cây/m². Trong đó các giống mía có mật độ cây/m² cao: ĐT15 (7,79 cây/m²), VN84-4137 (7,78 cây/m²), TĐĐ22 (7,4 cây/m²), Philipin 85-86 (7,23 cây/m²); các giống mía có mật độ cây/m² thấp: Số 48 (4,63 cây/m²), số 32 (4,77 cây/m²).

- Khả năng đẻ nhánh của các giống mía trong tập đoàn.

Kết quả cho thấy: Sau khi trồng từ 52-67 ngày các giống mía bắt đầu đẻ nhánh. Trong đó giống VD00-236, QD94-116, ROC24 đẻ nhánh sớm nhất (57 ngày và K84-200 đẻ nhánh muộn nhất (67 ngày).

Thời gian đẻ nhánh của các giống mía trong tập đoàn dao động từ 21-35 ngày

trong đó giống VN84-1437, ROC21 đẻ nhánh tập trung và kết thúc sớm nhất (21 ngày) và giống ROC10, ROC16, My55-14, DLM24, VMC1739, R570, K84-200 có thời gian đẻ nhánh dài (35 ngày). Như vậy thời gian từ trồng đến kết thúc đẻ nhánh của các giống mía dao động từ 81-102 ngày.

- Các giống mía trong tập đoàn có hệ số đẻ nhánh từ 0,75-1,24 lần trong đó các giống mía có hệ số đẻ nhánh cao là: ROC24 (1,24 lần), VD93-159 (1,17 lần), VD00236, ROC28 (1,25 lần), TĐĐ22 (1,08 lần), K95-156 và KK2(1,1 lần). Các giống mía có hệ số đẻ nhánh thấp: K84-200 (0,75 lần), TĐĐ16, CC3 (0,76 lần) và K88-65 (0,65 lần).

- Mật độ cây khi kết thúc đẻ nhánh của các giống mía dao động từ 8,29 - 15,97 cây/m². Trong đó giống mía có mật độ cao là: ĐT15 (15,97 cây/m²), VN84-4137 (15,64 cây/m²), VD00236, TĐĐ22 (15,39 cây/m²), VD93-159 (15,97 cây/m²).

Nhìn chung ở thời kỳ đẻ nhánh, các giống mía K95-156, KK2, VN84-4137, VD93-159, VD00236, TĐĐ22, ĐT15 đẻ nhánh sớm tập trung, hệ số đẻ nhánh cao nhất so với giống mía khác trong tập đoàn.

1.2. Khả chống chịu sâu bệnh của các giống mía trong tập đoàn

Qua số liệu theo dõi tình hình xuất hiện một số sâu, bệnh chính trên các mẫu giống cho thấy:

- Hầu hết các giống mía trong tập đoàn đều bị sâu đục thân phá hại ở các thời kỳ sinh trưởng từ nảy mầm, đẻ nhánh, vươn lóng với tỷ lệ từ 3,7% - 15,4%. Trong đó các giống mía bị sâu đục thân phá hại ít là: QĐ15 (3,7%), ROC24 (4,1%), Phúc nông 94 (4,3%), TĐĐ22 (4,4%), K90-77. Các giống mía bị sâu đục thân phá hại nhiều là: Uthong2 (12,9%), KK2 (15,4%), VD79-177 (7,2%), QĐ94-116 CC2 và CC3 (6,6%), MT406 (6,5%), VD63-236 (6,4%).

- Các giống mía trong tập đoàn xuất hiện bệnh than với mức độ từ 0,4-6,15%. Trong đó giống mía QĐ86368 (6,15%), VĐ79-177 (4,8%), Viên Lâm 6 (4,5%), VĐ63-236 (3,9%), QĐ94-119 (3,8%), F134 (3,2%), các giống mía TĐĐ22, DT15, ROC16, VMC1739, TĐĐ16, ROC25 nhiễm dưới 2%. Những dòng, giống mía kháng bệnh than là: VĐ93-159, VĐ00236, QĐ94-116, ROC24, ROC28, Philippin 85-86, Philippin 88-83, VĐ95-168, K95-84, Suphanburi7, K95-156, KUOO-1-92, KK2, Uthong2, K90-77, K88-92, K88-65, K95-283 và K88-200.

- Các giống mía TĐĐ22, ROC26, ROC21 nhiễm bệnh gỉ sắt ở cấp 1 (1 - 25% lá bị bệnh). Các giống mía còn lại chưa thấy xuất hiện bệnh.

- Bệnh ở lá do nấm. Các giống mía trong tập đoàn xuất hiện các bệnh về lá do tác nhân nấm gây nên ở cấp 1 (có từ 1 - 25% lá bị bệnh) là: TĐĐ22, DT15, ROC10, ROC16, QĐ86368, RB72-454, DLM24, VMC 1739, F134, VN84-4137, MY55-14, VN84-4137, TĐĐ16, QĐ17, ROC21, ROC25, VĐ63-236 và VĐ79-177, Uthong2 và K88-92. Các giống mía còn lại chưa thấy xuất hiện bệnh.

Trong các giống mía, VĐ93-159, VĐ00236, QĐ94-116, ROC24, ROC28, Philippin 85-86, QĐ15, Philippin 88-83, VĐ95-168, Phúc nông, K95-84, Suphanburi7, K95-156, KUOO-1-92, KK2, Uthong2, K90-77, K88-92, K88-65, K95-283 và K88-200 chống chịu sâu bệnh khá hơn so với các giống mía khác trong tập đoàn.

1.3. Kết quả phân tích chất lượng các giống mía trong tập đoàn

- Trong 60 giống mía phân tích, 13 giống có hàm lượng đường >13 CCS, bao gồm: Philippine 88-83; ROC26; TĐĐ22; VĐ93-159; VĐ00236; Philippine 85-86; ROC24; VMC; VN84-4137; QĐ17; MT406; VĐ95-168, trong đó giống ROC26 có hàm lượng đường cao nhất 13,8 CCS.

- Những giống có hàm lượng đường từ 11-12,5 CCS có: KK2, K95-156, K95-283.

- Những giống có hàm lượng đường <11 CCS là DLM24, MY55-14, K95-84, Suphanburi7, KUOO-1-92, Uthong2, K90-77, K88-92, K88-65 và K88-200, trong đó giống My 55-14 và KUOO-1-92 có hàm lượng đường thấp nhất (9-9,5 CCS).

1.4. Kết quả đánh giá năng suất các giống mía trong tập đoàn

Năng suất các giống mía thí nghiệm dao động từ 52,1 tấn/ha đến 129,5 tấn/ha. Trong đó có 2 giống có năng suất >120 tấn/ha (Suphanburi và K95-156)

Các giống có năng suất từ 90 đến 110 tấn/ha bao gồm: K95-84, KUOO-1-92, KK2, Uthong2, K90-77, K88-92, K88-65, K95-283 và K88-200 Philippin85-86, ROC28 và philippin 88-83. Các giống có năng suất từ 80-90 tấn là Phúc nông 94- (86,0 tấn/ha); VĐ00236 (84,7 tấn/ha); QĐ86-368 (82,2 tấn/ha); Viên lâm 6 (80,2 tấn ha).

+ Các giống có năng suất <60 tấn/ha. Bao gồm: VĐ79-177; VĐ63-236; ROC21; và ROC26.

Kết luận: Kết quả đánh giá tập đoàn mía đã tuyển chọn được các giống: K95-84, Suphanburi7, K95-156, KUOO-1-92, KK2, Uthong2, K90-77, K88-92, K88-65, K95-283 và K88-200, VĐ93-159, VĐ00236, ROC10, ROC28, Philippin 85-86, Philippin 88-83, Phúc nông 94, ROC16 sinh trưởng khỏe, nảy mầm sớm, tập trung, hệ số đẻ nhánh cao. Mật độ cây hữu hiệu cao, mía cây to, có năng suất, chất lượng cao và ít nhiễm rệp, kháng bệnh than. Những dòng giống này đã được thu hoạch và làm vật liệu cho thí nghiệm so sánh giống ở vụ sau.

2. Kết quả so sánh đánh giá các dòng, giống mía chọn lọc trong tập đoàn mía

Thí nghiệm so sánh với 25 dòng, giống bao gồm các giống từ tập đoàn và có bổ sung thêm một số giống mới chưa khảo sát tại việt nam (Quế hồng, Quế đỏ, QT.F178)

2.1. Khả năng nảy mầm, đẻ nhánh của các giống mía

- Tỷ lệ mọc mầm ở vụ mía tơ dao động từ 59,7 - 98,2%; đạt cao nhất là giống Philippin 83-86 (98,2%) và thấp nhất là giống Quế đường 15 (59,7%); có 5 giống đạt tỷ lệ nảy mầm cao nhất và dao động trong khoảng 88,9 - 98,2%, các giống mới khác trong khảo nghiệm đều có tỷ lệ mọc mầm tương đương hoặc thấp hơn so với giống đối chứng.

- Sức đẻ nhánh: Giống ROC 22 có sức đẻ nhánh cao nhất đạt 0,88, kế đến là giống ROC 28 (0,86), Suphaburi 7 (0,83), ROC 28 (0,78), Philippin 88-83 (0,77). Do đặc điểm của mía là cây có khả năng tự điều chỉnh mật độ trong quần thể.

2.2. Diễn biến mật độ cây

- Thời kỳ kết thúc đẻ nhánh mật độ cây của hầu hết các giống mía khảo nghiệm đều thấp hơn giống đối chứng, trừ 7 giống có mật độ cao hơn có ý nghĩa so với giống đối chứng ở độ tin cậy 95% gồm; Việt đường 55, ROC 22, Suphaburi 7, K88-200, ROC 26, ROC 28 và Philippin 88-83.

- Thời kỳ trước thu hoạch chỉ có 9 giống mía có mật độ cây cao hơn có ý nghĩa so với giống đối chứng ở độ tin cậy 95%. Điền hình có 04 giống có mật độ cây > 10 cây/m² (Việt đường 55, ROC 22, Suphaburi 7, ROC 28) các giống mía còn lại đều có mật độ cây gần tương đương so với giống đối chứng. Đặc biệt các giống K có mật độ cây trước thu hoạch rất thấp.

2.3. Tình hình sâu, bệnh hại

Bảng 1. Tình hình bệnh chồi cỏ và rệp hại của các giống mía ở các vụ mía (Tân Kỳ, Nghệ An) thời gian từ 12/2010-2/2011

Giống mía	Bệnh chồi cỏ (%)	Bệnh than (%)	Bệnh nám lá (%)	Rệp hại (%)	Sâu đục thân (%)
ROC10(Đ/c)	10%	3%	11%	12%	7%
Quế đường 15	6%	2,5%	12%	11%	5%
Philippin 88-83	0	2%	5%	4%	3%
Quế hồng33	0	1,5	4%	8%	0
Quế đỏ	0	2%	4,5%	10%	0
Philippin 85-86	0	0	6%	5%	0
TQ	0	0	5%	12%	5%
Quế đường 94116	0	3%	7%	8%	0
F178	0	0	6%	15%	0
Quế đường 86-368	7%	0	10%	7%	5%
ROC 28	0	0	4%	3%	2%
RP 72	0	0	6%	4%	0
ROC 27	0	0	5%	18%	0
K95-84	0	0	11%	11%	Nhẹ
ROC 26	0	0	12%	4%	0
K88-200	0	0	5%	8%	Nhẹ
Phúc nông18	15%	2%	4%	10%	0
Việt đường 00236	0	0	4,5%	5%	0
ROC 23	5%	0	6%	12%	Nhẹ
Suphaburi 7	0	0	5%	8%	0
K95 - 238	0	0	7%	15%	0
K88 - 65	0	0	6%	7%	0
K95 - 156	0	0	10%	3%	0
ROC 22	0	2%	4%	4%	Nhẹ
Việt đường 55	4%	0	6%	18%	0

- Mức độ nhiễm bệnh chồi cỏ của 02 giống ROC 10 (10%), Phúc nông 18 bị nhiễm ở cấp độ trung bình (15%); các giống khác chưa có biểu hiện hoặc bị nhiễm nhẹ. Các giống ROC10, Phúc nông, ROC22 nhiễm bệnh than nhẹ ở mức 2-3%.

- Mức độ bị rệp hại phát triển khá mạnh bắt đầu từ thời kỳ giữa vụ trên tất cả các giống, tất các giống mía khảo nghiệm có cấp độ rệp trung bình. Đến thời kỳ trước thu hoạch, do tác động của việc phòng trừ bằng thuốc hóa học (Basucid 50ND) nên số lượng rệp hại giảm xuống đáng kể.

2.5. Năng suất mía thu hoạch

Bảng 2. Năng suất, chất lượng của các giống mía (Tân Kỳ, Nghệ An) thời gian từ 12/2010-2/2011

TT	Giống mía	Năng suất (tấn/ha)	CCS	TT	Giống mía	Năng suất (tấn/ha)	CCS
1	ROC 10 (Đ/c)	81,4	10,21	14	K95-84	67,1	9,98
2	Quế Đường 15	66,1	10,12	15	ROC 26	86,8	9,72
3	Philippin 88-83	90,1	10,31	16	K88-200	68,6	9,61
4	Quế hồng 33	60,7	9,68	17	Phúc nông 18	77,6	11,29
5	Quế đỏ	67,5	9,75	18	Việt đường 00236	88,5	10,01
6	Philippin 85-86	82,9	9,89	19	ROC 23	85,6	9,73
7	TQ	64,4	9,78	20	Suphaburi 7	104,6	10,05
8	Quế đường 94-116	70,7	11,23	21	K95 - 238	70,3	9,81
9	F178	82,5	9,23	22	K88 - 65	65,2	9,87
10	Q.Đ 86-368	74,5	10,12	23	K95 - 156	73,5	9,91
11	ROC 28	98,2	11,21	24	ROC 22	121,8	9,32
12	RP 72-454	60,4	10,02	25	Việt đường 55	73,0	9,32
13	ROC 27	96,4	10,51		CV	7,65	
					LSD _{0,05}	10,34	

Các giống: ROC22, ROC28, Philippin 88-83, và Suphaburi7 cho năng suất đạt >90 tấn/ha cao hơn so với giống đối chứng (ROC10). Trong đó giống ROC 22 có năng suất cao nhất (121,8 tấn/ha). Các giống còn lại đều có năng suất tương đương hoặc thấp hơn giống đối chứng ở độ tin cậy 95%.

2.4. Các yếu tố cấu thành năng suất

- Trọng lượng cây của các giống mía dao động từ 1,21 đến 1,62 kg, chỉ có 06 giống mía khảo nghiệm có trọng lượng cây cao hơn so với đối chứng (ROC 22, K95 - 238, K95-84, ROC 28, Philippin 85-86 và Philippin 88-83). Các giống còn lại thấp hơn so với giống đối chứng.

- Chiều cao nguyên liệu của các giống mía biến động từ 258,2 đến 301,5 cm. Chiều cao nguyên liệu cao nhất là giống ROC 22, thấp nhất là giống Quế Hồng 33.

- Do thời tiết cuối năm 2011 mưa nhiều, nên chất lượng của các giống mía không cao, CCS bình quân của các giống mía biến động trong khoảng từ 9,23 - 11,29. Hầu hết các giống mía khảo nghiệm có chất lượng thấp hơn giống đối chứng, trừ 04 giống mía Việt đường 00236, ROC 27, Quế đường 94-116, Philippin 88-83

IV. KẾT LUẬN

- Qua khảo sát, đánh giá gần 60 dòng, giống trong tập đoàn đã xác định được gần 20 giống K95-84, Suphanburi7, K95-156, K90-77, K88-92, K88-65, K88-200, VĐ93-159, Rb72-454, VĐ00236, ROC10, ROC28, Philippin 85-86, Philippin 88-83, Phúc nông, ROC16, ROC22 sinh trưởng tốt có tỷ lệ nảy mầm cao (60-64,9%), đẻ nhánh khỏe (1,1-1,24 lần), mật độ cây trước lúc thu hoạch (>10 cây/m²), năng suất đạt trên 90 tấn/ha, hàm lượng đường đạt 11-13 CCS, kháng hoặc nhiễm nhẹ bệnh than, chồi cỏ, rệp, gỉ sắt và sâu đục thân.

- Kết quả nghiên cứu thí nghiệm so sánh giống cho thấy các giống mía Philippin 88-83, ROC 26, ROC28, ROC22 và Suphaburi 7 là giống có triển vọng cho năng suất, chất lượng cao, không bị nhiễm bệnh chồi cỏ, bệnh than thích ứng tốt với các tỉnh Bắc Trung Bộ (Nghệ An, Thanh Hóa).

- Đặc biệt hai giống Philippin 88-83 và ROC 28 cho năng suất >90/tấn/ha hàm lượng đường đạt khá (11CCS), không bị nhiễm bệnh chồi cỏ và bệnh than đang được nhân nhanh, tiến hành khảo nghiệm trên diện rộng để đưa vào sản xuất đại trà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT 7.2011. *Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2010-2011*.
2. FAOSTAT, 2011, *Tình hình sản xuất mía đường trên thế giới và Việt Nam giai đoạn 1999-2009*.
3. Hồ Quang Đức, 2011. Báo cáo khoa học kết quả nghiên cứu đề tài "Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng mía đường ở Tân Kỳ, Nghệ An".
4. Phạm Văn Bảy, 2010. *Báo cáo kết quả nghiên cứu tuyển chọn giống mía có năng suất chất lượng cao và kháng bệnh cho vùng nguyên liệu Nhà máy Đường Nông Cống*
5. Deng haihua et al. 2004. *In Supplementary material of international training course on sugarcane techniques*.

Ngày nhận bài: 5/2/2012

Người phân biên: PGS. TS. Nguyễn Văn Việt,
ngày 7/2/2012

Ngày duyệt đăng: 20/3/2012

NGHIÊN CỨU LAI TẠO VÀ CHỌN DÒNG MÍA CÓ NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM

Hồ Hữu Nhị, Cao Anh Dương, Nguyễn Văn Dự

SUMMARY

Studies on sugarcane breeding for high yielding clone in Vietnam

Sugarcane is one of the important industrial crop in Vietnam. However in its production there is lack of set of variety with high performance. So that we carry out this research on sugarcane breeding and got following records: Evaluation and identified 40 clones and varieties that used as parents in 20 single crosses and obtained more than 7000 hybrids. In the first step selection are identified 8 crosses with 174 clones with good morphological characters. Among of them there are 48 clone having Brix >20%. In the last clone selection step there are 13 promising clones. In these promising clones are identified five ones having yielding equal check variety' yielding (ROC26). Special clone No. VN09-108 and VN09-145 yielded 118 ton/ha and 120 ton/ha respective. These yielding are higher than yielding of ROC26 (116 ton/ha). These clones are in-vitro propagated for trial experiment in different ecological area.

Keywords: Sugarcane breeding, high yielding, Clone selection